

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) CỦA PHÁP TẠI VIỆT NAM

Ths. Võ Minh Hùng

Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu

Quan hệ giữa Việt Nam và Pháp đã có một bề dày lịch sử khá lâu đời, trải qua nhiều thăng trầm, để lại nhiều dấu ấn và ngày nay, quan hệ giữa hai nước đang được thực hiện theo phương châm khép lại quá khứ để hướng tới tương lai như Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã nói: *“Vượt qua mọi thăng trầm lịch sử, trải qua những kỷ niệm vui và buồn, quan hệ hai đất nước, hai dân tộc chúng ta là quan hệ có truyền thống lịch sử hàng trăm năm. Tôi muốn bày tỏ với Tổng thống và nhân dân Pháp lòng mong muốn của nhân dân là hãy để kỷ niệm buồn chỉ là quá khứ, còn niềm vui là của cả quá khứ, hiện tại và tương lai. Chúng ta cùng chung một ý kiến, cùng hợp tác để xây dựng một mối quan hệ hữu nghị và hợp tác lâu dài vì lợi ích của nhân dân hai nước Việt Nam và Pháp”*(1).

Nhờ đó, mối quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước không ngừng được phát triển và nâng cao cả về quy mô lẫn chất lượng, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư (FDI). Hiện nay, Pháp là đối tác số một trong các nước châu Âu đầu tư vào Việt Nam với trên 305 dự án có tổng số vốn 2,94 tỷ USD, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong suốt thời gian qua.

I. TỔNG QUAN VỀ FDI CỦA PHÁP TẠI VIỆT NAM

Phải nói rằng, các nhà đầu tư của Pháp có mặt tại Việt Nam rất sớm, ngay từ những năm đầu tiên khi Luật Đầu tư nước ngoài của Việt Nam được ban hành (1987). Trong hai năm (1988 - 1989), Pháp đã có 12 dự án đầu tư tại Việt Nam với số vốn 65 triệu USD. Đến năm 1992, tổng số vốn FDI của Pháp tại Việt Nam đã tăng 184 triệu USD với 28 dự án (xem Bảng 1). Sự gia tăng đột biến đó xuất phát từ các cuộc hội đàm sau những chuyến thăm lẫn nhau của lãnh đạo hai nước, đó là: chuyến thăm Việt Nam của Bộ trưởng Ngoại giao Pháp R.Dumas (23 - 26/2/1990) và chuyến thăm Pháp của Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm (5/1992). Mặt khác, cũng thời gian này, RFI của Pháp ngày 2/7/1992 đưa tin: *“Vừa qua Hội đồng Giới chủ Pháp đã mở một phiên họp tại Paris về vấn đề đầu tư tại Việt Nam. Trong phiên họp này, đại diện của 25 giới chủ Pháp đã tới dự để trình bày những kinh nghiệm của họ qua thời gian làm việc tại Việt Nam... Ông nhấn mạnh rằng, trước viễn cảnh lệnh cấm vận của Hoa Kỳ có thể được bãi bỏ trong nay mai, mục tiêu trước mắt của các nhà đầu tư Pháp là làm sao tạo được những điều kiện tối thiểu để một xí nghiệp có thể hoạt động tại Việt Nam”* (2).

Bảng 1: Số dự án và vốn đầu tư của Pháp được cấp phép và đang hoạt động tại Việt Nam (Đơn vị USD)

Năm	Số dự án đăng ký	Số dự án đang hoạt động	Tổng vốn đầu tư
1988	4	1	15.422.901
1989	8	4	50.224.370
1990	5	1	6.301.351
1991	8	4	6.392.572
1992	8	4	55.371.709
1993	18	7	134.666.466
1994	23	9	133.025.437
1995	18	10	152.257.696
1996	18	7	83.536.719
1997	28	15	942.563.169
1998	29	13	34.680.000
1999	23	11	50.241.448
2000	19	9	11.750.178
2001	19	10	499.219.470
2002	28	14	8.525.000
2003	18	13	18.596.308
2004	18	12	7.025.500
2005	27	19	20.703.800
2006	25	19	36.105.500
2007	22	22	184.005.000
2008	47	47	632.524.828
2009	32	32	89.101.012
T9/2010	23	22	13.306.297
Tổng	468	305	2.941.345.770

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Năm 1993, chuyến thăm chính thức của Tổng thống Pháp Francois Mitterrand lại là dịp để các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của Pháp sang Việt Nam trực tiếp tìm hiểu cơ hội đầu tư, gặp gỡ và đàm phán với các đối tác. Nhờ đó mà năm 1993, Pháp đã có tới 18 dự án đầu tư vào Việt Nam được cấp

phép, trong đó có 7 dự án đang hoạt động với tổng số vốn đầu tư là 134,7 triệu USD, tăng gấp 9 lần so với 1988, gần 3 lần so với 1992 (xem Bảng 1). Bước sang năm 1996, chỉ có 7 dự án được đưa vào thực hiện với số vốn 83,5 triệu USD, giảm 45% so với năm 1995. Có sự giảm sút đột ngột này là do năm 1996 Pháp gặp phải sự cạnh tranh của các

nhà đầu tư có tiềm lực về vốn và công nghệ khác như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore... Như đã biết, năm 1996, nguồn vốn FDI của Việt Nam tăng đột ngột lên đến 9,212 tỷ USD, được xem là đỉnh cao của đầu tư nước ngoài vào Việt Nam từ trước đến thời điểm đó. Chính những thay đổi đó đã tác động mạnh mẽ và đẩy Pháp từ vị trí thứ 3 năm 1993 xuống vị trí thứ 9 năm 1996 trong tổng số hơn 50 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam (3).

Bước vào năm 1997, trong khi hầu hết các nước khác đều giảm lượng FDI vào Việt Nam thì số dự án và vốn FDI của Pháp lại tăng mạnh. Nguyên nhân chủ yếu là do năm 1997, Tổng thống Jacques Chirac sang thăm Việt Nam nhân Hội nghị cấp cao lần thứ VII Cộng đồng Pháp ngữ diễn ra tại Hà Nội, đã khiến cho mối quan hệ hợp tác Việt - Pháp được nâng lên một tầm cao mới. Chỉ tính riêng trong năm 1997, Pháp đã đầu tư vào Việt Nam 943 triệu USD với 28 dự án, tăng gấp 15 lần so với năm 1991, gấp 11 lần năm 1996, chiếm 17,4% tổng vốn FDI vào Việt Nam (*xem Bảng 2*), đưa tổng số vốn FDI của Pháp ở Việt Nam lên đến 1,638 tỷ USD và đứng vị trí thứ 6 trong số các nước có số vốn đầu tư vào Việt Nam. Trong suốt 3 năm 1998, 1999, 2000, do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở châu Á, cũng như do nền kinh tế Pháp gặp khó khăn, vốn đầu tư vào Việt Nam ngày càng giảm mạnh, tương ứng với các năm là 35 triệu USD, 50 triệu USD, 12 triệu USD. Lần đầu tiên nguồn vốn đầu tư của Pháp thấp hơn năm 1988. Nhìn chung đây là xu hướng chung của tất cả các nước đầu tư vào Việt Nam. Tổng nguồn

vốn FDI của Việt Nam giảm mạnh, chỉ còn 2,575 tỷ USD (năm 1999) và 2,839 tỷ USD (năm 2000).

Nhưng nếu tính trên đầu dự án, Pháp tiếp tục giữ vị trí là đối tác số một trong số các nước châu Âu và đứng thứ 6 trong tổng số 60 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam với hơn 100 dự án đang hoạt động. Tính đến năm 2000, Pháp đã có 125 văn phòng đại diện (chiếm 4,5% trong tổng số 2.800 văn phòng nước ngoài tại Việt Nam), 5 chi nhánh ngân hàng, 5 văn phòng luật sư và kiểm toán tại Việt Nam (4).

Kể từ năm 2004, vốn đầu tư của Pháp tiếp tục giảm mạnh chỉ còn 7 triệu USD, chỉ chiếm 7% tổng vốn đầu tư của EU vào Việt Nam, đứng vị trí 3 trong số các nước EU đầu tư vào Việt Nam (*xem Bảng 1*). Không chỉ riêng vốn đầu tư của Pháp giảm mạnh mà dường như đây là tình hình chung của tất cả các nước thành viên EU. Cụ thể, năm 2000 vốn đầu tư của Đức, Hà Lan, Anh tương ứng theo thứ tự là 7,7 triệu USD, 618 triệu USD, 514,8 triệu USD thì đến năm 2004 giảm còn 6 triệu USD, 48 triệu USD, 34,6 triệu USD. Có thể dễ dàng nhận thấy, nguyên nhân của sự giảm sút vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam của Pháp nói riêng và các nước nói chung là do kinh tế các nước trong những năm này đang gặp khó khăn, thất nghiệp ngày càng tăng, tăng trưởng GDP luôn ở mức dưới 2%, thậm chí ở mức thâm hụt. Cụ thể năm 2002, tăng trưởng GDP của Đức, Pháp, Anh tương ứng (0%, 0,9%, 1,1%) và năm 2003 tăng trưởng GDP của Đức (0,4%), Pháp (0%) (*xem Bảng 2*).

Bảng 2: Tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước EU (Đơn vị (%))

	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004
EU 25	-	2.0	1.9	3.2	2.5	3.6	1.2	1.1	0.6	1.7
EU 15	2.3	1.1	2.2	2.7	2.7	3.1	1.5	0.5	0.5	2.0
Đức	1.3	0.4	1.3	2.1	1.7	2.9	0.8	0.0	-0.4	2.0
Tây Ban Nha	2.7	2.6	3.4	4.1	4.0	3.1	2.2	1.4	2.1	2.1
Pháp	1.5	0.5	2.0	2.9	2.8	3.2	1.3	0.9	0.0	2.2
Italy	2.1	1.4	1.4	2.0	1.3	3.2	1.3	1.9	-0.6	0.6
Anh	2.7	2.7	2.6	3.2	2.5	3.6	1.7	1.1	1.7	2.8
Hungary	3.1	3.0	2.9	5.7	5.4	5.1	2.4	4.8	2.3	4.4

Nguồn: *The European Union Worldtrade*, <http://www.euruion.org/profile/EUUSStats.htm>

Bước vào năm 2005, đầu tư của Pháp bắt đầu tăng trở lại với số vốn 20 triệu USD. Năm 2006 Pháp có đến 25 dự án đăng ký mới, tổng số vốn đầu tư là 36 triệu USD, chiếm 13% tổng vốn đầu tư của EU vào Việt Nam. Như vậy, tính đến hết năm 2006, Pháp đã có 346 dự án đăng ký và 178 dự án đang hoạt động với tổng vốn đầu tư hơn 2,2 tỷ USD, chiếm khoảng 4% trong tổng vốn FDI của Việt Nam, đứng vị trí thứ 8 trong số các nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam (xem Bảng 1).

Tình hình tương đối khả quan đối với đầu tư của Pháp vào Việt Nam, năm 2008, số vốn đầu tư của Pháp đã tăng lên đến 632 triệu USD, gấp 30 lần so với năm 2005 và gấp gần 4 lần so với năm 2007. Tính đến cuối tháng 9 năm 2010, số vốn đầu tư của Pháp vào Việt Nam đã đạt gần 3 tỷ USD, đứng thứ 2 EU sau Hà Lan (5 tỷ USD) và thứ 15 trên thế giới. Qua đây có thể tin đầu tư của Pháp sẽ tiếp tục tăng trong những năm tới.

II. SỰ PHÂN BỐ FDI CỦA PHÁP TẠI VIỆT NAM

1. FDI của Pháp tại Việt Nam phân theo hình thức

Tính đến cuối tháng 9/2010, FDI của Pháp ở Việt Nam được thực hiện chủ yếu dưới hình thức hợp tác liên doanh, với 84 dự án và tổng số vốn là 1,086 triệu USD, chiếm 37% tổng vốn đầu tư của Pháp vào Việt Nam (Bảng 3), trong đó rất nhiều dự án có vốn đầu tư lớn như các dự án: Công ty liên doanh khách sạn Cột cờ Thủ Ngũ (76 triệu USD), khách sạn Thống nhất Metropole Sofitel (47,8 triệu USD), khách sạn Hilton ở thành phố Hồ Chí Minh (81 triệu USD) (4). Đây là hợp tác hai bên cùng góp vốn theo một tỷ lệ nhất định để thành lập một xí nghiệp mới, có hội đồng quản trị và ban giám đốc điều hành riêng. Công ty liên doanh được chia lợi nhuận và chia sẻ rủi ro theo vốn góp. Thông qua hình thức này, với tiềm lực mạnh mẽ về khoa học, kỹ thuật và công nghệ, tài chính của các công ty Pháp kết hợp với giá nhân

công rẻ ở Việt Nam nhằm hạ giá thành sản xuất và nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm.

Hình thức có nhiều dự án đầu tư đứng thứ hai của Pháp là hợp đồng hợp tác kinh doanh. Hình thức này chỉ thu hút 7 dự án, nhưng lại chiếm đến 21% tổng số vốn đầu tư của Pháp (xem Bảng 3, Biểu đồ 1). Phía Pháp có các dự án với số vốn đầu tư lớn như dự án xây dựng 540.000 đường dây điện thoại ở thành phố Hồ Chí Minh với số vốn 467 triệu USD mà Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam ký với France Télécom. Đây là dự án đầu tư lớn nhất của Pháp ở Việt Nam cho tới thời điểm này [49, tr.49].

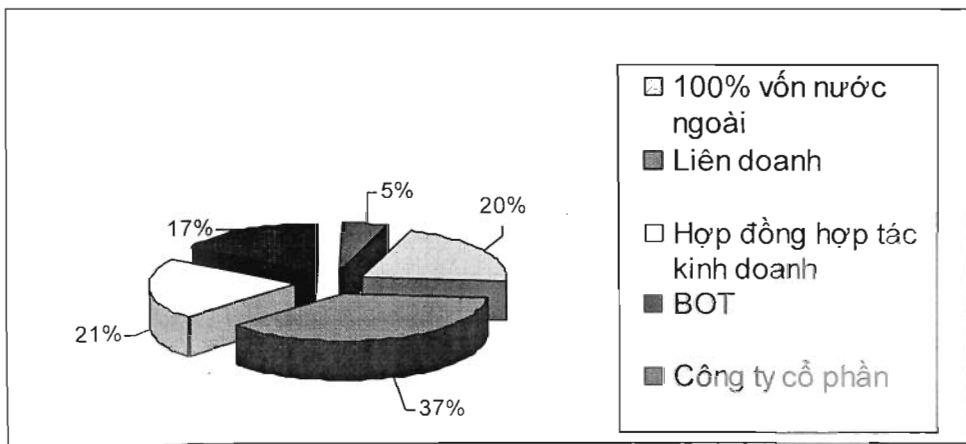
Hình thức 100% vốn đầu tư nước ngoài chiếm 20% số vốn và thường được thực hiện bởi các ngân hàng của Pháp đầu tư vào Việt Nam như Banque Indosuez, Credit Lyonnais, Banque Nationale de Paris (BNP), Banque

Francaise du Commerce Extérieur (BFCE)... những dự án này thường có quy mô nhỏ (khoảng 15 triệu USD/dự án), nhưng hoạt động tương đối hiệu quả ở Việt Nam.

Ngoài các hình thức đầu tư chủ yếu trên, hiện nay phía Pháp còn đầu tư vào Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần với số vốn đăng ký hơn 15 triệu USD (xem Bảng 3). Đây là hình thức rất mới đối với FDI ở Việt Nam, theo quy định của Luật Đầu tư, từ ngày 22/5/2003, các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và doanh nghiệp liên doanh có thể chuyển đổi thành công ty cổ phần với điều kiện đã góp đủ vốn pháp định theo giấy phép đầu tư và đã chính thức hoạt động được 3 năm, năm cuối cùng phải có lãi và một số điều kiện liên quan đến cổ đông của các công ty này. Pháp chiếm khoảng 5% tổng số vốn đầu tư của Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần.

Biểu đồ 1. Đầu tư của Pháp vào Việt Nam theo các hình thức

(Từ ngày 01/01/1998 đến ngày 30/09/2010)



Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bảng 3: Đầu tư của Pháp vào Việt Nam theo hình thức*(Từ ngày 01/01/1988 đến ngày 30/9/2010) (Đơn vị: USD)*

TT	Hình thức đầu tư	Số dự án	Tổng vốn đầu tư (USD)	Vốn điều lệ (USD)
1	Liên doanh	84	1,086,126,518	345,778,277
2	Hợp đồng hợp tác kinh doanh	7	619,139,982	618,139,018
3	100% vốn nước ngoài	205	602,913,493	308,725,293
4	Hợp đồng BOT, BT, BTO	1	486,895.473	140,000.000
5	Công ty cổ phần	8	146.270,304	127.344.516
Tổng cộng		305	2,941,345,770	1,539,987,104

*Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư***2. FDI của Pháp tại Việt Nam phân theo ngành**

Trong suốt giai đoạn từ 1988 đến tháng cuối tháng 9/2010, các dự án đầu tư của Pháp vào Việt Nam chủ yếu tập trung vào lĩnh vực công nghiệp như công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ, xây dựng, thực phẩm với 181 dự án có tổng số vốn đăng ký lên tới 936 triệu USD, chiếm tỷ trọng lớn nhất về số dự án và vốn đầu tư so với tổng số dự án và tổng số vốn đăng ký tương ứng là 59%, 32%. Tiếp đến là lĩnh vực dịch vụ với 102 dự án, chiếm 33% số dự án và tổng số vốn đăng ký là 1.78 tỷ USD, chiếm 60% về vốn đầu tư. Số dự án đầu tư vào ngành nông nghiệp, lâm nghiệp ít hơn, chỉ có 22 dự án với tổng số vốn thấp 215 triệu USD, chiếm 7% tổng số vốn đăng ký. Thực tế đó chứng tỏ quy mô vốn đầu tư ở lĩnh vực này tương đối nhỏ (xem *Bảng 4*).

Nếu như đầu tư của Đài Loan, Singapore vào Việt Nam chủ yếu hướng vào các ngành dịch vụ, khách sạn, nhà hàng và du lịch thì đầu tư của Pháp tập trung chủ yếu

vào sản xuất công nghiệp, chiếm chủ yếu 181 dự án, tổng số vốn đăng ký là 936 triệu USD. Các dự án này đã thu hút một lượng lớn lao động tại các địa bàn hoạt động doanh nghiệp, tận dụng được giá nhân công rẻ và nguồn nguyên liệu dồi dào, góp phần nâng cao năng lực sản xuất của ngành công nghiệp Việt Nam. Đi đầu trong số các công ty của Pháp đầu tư vào công nghiệp là tập đoàn Boas Bon với các dự án như công ty TNHH Mía đường ở Tây Ninh với vốn đầu tư 113 triệu USD, dự án sản xuất mía đường ở Gia Lai với vốn đầu tư là 25.6 triệu USD (4). Công nghiệp xây dựng và vận tải chỉ có 16 dự án với tổng số vốn đăng ký chỉ 57 triệu USD, bằng 9% so với công nghiệp nặng (xem *Bảng 4*). Các dự án: Xây dựng hệ thống siêu thị Cora tại Đồng Nai với vốn đầu tư là 54 triệu USD; Đại siêu thị An Lạc tại Thành phố Hồ Chí Minh với vốn đầu tư 35 triệu USD được cấp phép năm 1997; Siêu thị Thăng Long tại Hà Nội, cấp phép năm 1999, vốn 30 triệu USD (4).

Bảng 4: Đầu tư của Pháp vào Việt Nam theo ngành

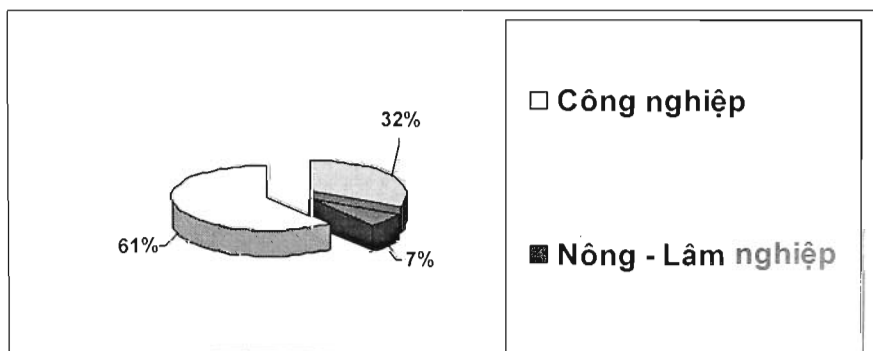
(Từ ngày: 01/01/1988 đến ngày: 30/9/2010) (Đơn vị: USD)

Số TT	Chuyên ngành	Số dự án	Tổng vốn đầu tư	Vốn thực hiện
I	Công nghiệp	181	936.325.769	381,235,608
	Sản xuất, phân phối điện, khí, nước	6	505.336.874	159.221.874
	Công nghiệp chế biến, chế tạo	111	355.638.866	177.878.424
	Hoạt động chuyên môn, KHCN	48	17.876.370	9.232.731
	Xây dựng	8	12.621.028	5.485.555
	Vận tải kho bãi	8	44.852.631	29.417.024
II	Nông- lâm nghiệp	22	215.170.744	157.471.501
	Nông lâm, thủy sản	22	215.170.744	157.471.501
III	Dịch vụ - Tổng hợp	102	1.789.849.257	1.001.279.995
	Thông tin và bưu chính viễn thông	35	677.384.425	641.925.625
	Dịch vụ khác	4	524.390.000	82.030.000
	Dv lưu trú và ăn uống	17	175.366.386	70.952.788
	Kinh doanh bất động sản	4	142.841.300	36.580.971
	Bán buôn, bán lẻ	17	111.010.542	66.152.599
	Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	6	93.768.726	81.068.726
	Y tế và trợ giúp xã hội	4	33.815.000	11.772.000
	Nghệ thuật và giải trí	7	25.052.448	9.366.156
	Hành chính và dịch vụ hỗ trợ	3	5.250.000	1.070.000
	Giáo dục và đào tạo	5	970.430	361.130
	Tổng số		305	2.941.345.770

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Biểu đồ 2. Đầu tư của Pháp vào Việt Nam phân theo ngành

(Từ ngày 01/01/1988 đến ngày 30/09/2010)



Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bảng 5: Đầu tư trực tiếp của Pháp phân theo địa phương*(Từ ngày 01/01/1988 đến ngày 30/9/2010) (Đơn vị: USD)*

TT	Địa phương	Số dự án	Tổng vốn đầu tư (USD)	Vốn điều lệ (USD)
1	Bà Rịa-Vũng Tàu	8	1.070.195.128	271.416.229
2	TP Hồ Chí Minh	110	852.696.377	766.370.780
3	Hà Nội	71	331.285.029	132.180.327
4	Quảng Nam	8	127.636.447	49.727.433
5	Đồng Nai	19	121.566.291	48.394.122
6	Tây Ninh	2	120.536.153	112.829.680
7	Bình Dương	24	57.714.613	32.153.611
8	Hải Phòng	3	37.403.500	15.188.500
9	Long An	5	29.510.000	13.110.000
10	Bình Thuận	7	25.115.800	8.224.800
11	Bắc Ninh	3	22.252.941	10.202.941
12	Hung Yên	3	18.400.000	12.500.000
13	Đà Nẵng	5	15.205.712	15.205.712
14	Trà Vinh	2	15.150.000	1.030.000
15	Gia Lai	1	14.000.000	7.000.000
16	Khánh Hòa	6	13.698.657	9.222.550
17	Lâm Đồng	5	10.521.391	3.903.058
18	An Giang	1	8.800.000	2.800.000
19	Ninh Thuận	1	8.500.000	6.000.000
20	Cần Thơ	4	7.337.600	5.437.600
21	Lào Cai	2	7.200.000	4.987.630
22	Hải Dương	2	6.750.000	2.150.000
23	Bình Định	1	6.000.000	2.000.000
24	Bến Tre	1	5.000.000	5.000.000
25	Yên Bái	1	3.200.000	20.000
26	Hòa Bình	1	2.000.000	625.000
27	Phú Yên	1	2.000.000	1.000.000
28	Quảng Ninh	2	700.000	350.000
29	Thừa Thiên-Huế	3	670.000	657.000
30	Đồng Tháp	1	187.500	187.500
31	Phú Thọ	1	60.000	60.000
32	Kiên Giang	1	52.631	52.631
Tổng cộng		305	2.941.345.770	1.539.987.104

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Lĩnh vực dịch vụ - tổng hợp thu hút 102 dự án với tổng số vốn đầu tư 1,7 tỷ USD, trong đó riêng thông tin và bưu chính viễn thông có 35 dự án với tổng số vốn đầu tư đăng ký 677 triệu USD (xem Bảng 4). Đây là lĩnh vực mà qua đó Việt Nam có điều kiện tiếp thu khoa học công nghệ mới, có được đội ngũ cán bộ được đào tạo về kỹ thuật, nghiệp vụ quản lý qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho nền kinh tế quốc dân nhanh chóng hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Đồng thời đây cũng là lĩnh vực Pháp có khả năng thu hồi vốn nhanh và có thể mạnh với các hãng viễn thông hàng đầu thế giới như France Telecom, Actel... Pháp hiện giờ có 10 dự án đầu tư vào lĩnh vực khách sạn - dịch vụ với tổng số vốn đầu tư là 139 triệu USD, sớm nhất phải kể đến khách sạn Metropole năm 1989, với vốn đầu tư 47,8 triệu USD. Tiếp đến năm 1993, Tổng công ty Nhà đất và Xây dựng thực hiện dự án xây dựng kinh doanh khách sạn Hilton - Opera với vốn đầu tư 64,3 triệu USD, dự án khách sạn Sofitel Đà Lạt là 40 triệu USD (5).

Như vậy, nếu chỉ xem xét đơn thuần về số liệu thống kê vốn đầu tư của Pháp ở Việt Nam vào các ngành như trên có thể dễ dàng nhận thấy sự phù hợp tương đối của các chỉ số này với yêu cầu về cơ cấu một nền kinh tế hiện đại, phù hợp với nhu cầu phát triển của Việt Nam trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

3. FDI của Pháp tại Việt Nam phân theo địa phương

Các dự án đầu tư của Pháp có mặt ở 25 tỉnh, thành phố trên toàn quốc. Mặc dù chính phủ Việt Nam khuyến khích nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào những địa bàn hiện còn nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội, đặc biệt là miền núi, vùng sâu, vùng xa với các chính sách ưu đãi về thuế, tiền lương... nhưng hầu hết các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam nói chung và của Pháp nói riêng vẫn tập trung ở một số tỉnh, thành phố lớn như: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đồng Nai, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương. Đây là các địa phương có cơ sở hạ tầng tốt, có nhiều khu vực công nghiệp, khu chế xuất nên thu hút được nhiều dự án nhất với hơn 250 dự án, vốn đầu tư 2,8 tỷ USD, chiếm 96% về tổng số vốn đầu tư của Pháp vào Việt Nam. Cụ thể, Bà Rịa - Vũng Tàu thu hút chỉ 8 dự án nhưng vốn đầu tư lên tới 1 tỷ USD, đứng đầu cả nước; Thành phố Hồ Chí Minh thu hút 110 dự án, với tổng số vốn đầu tư là 852 triệu USD đứng vị trí thứ hai; Hà Nội thu hút 71 dự án, vốn đầu tư là 333 triệu USD; Bình Dương thu hút 24 dự án với tổng số vốn 57 triệu USD; Đồng Nai thu hút 19 dự án, với tổng số vốn đầu tư là 121 triệu USD (xem Bảng 5). Có thể nói, mức độ chênh lệch giữa các vùng về thu hút FDI của Pháp là tương đối và đồng thuận với mức độ thuận lợi của yếu tố kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng của Việt Nam.

Bảng 5: Đầu tư trực tiếp của Pháp phân theo địa phương*(Từ ngày 01/01/1988 đến ngày 30/9/2010) (Đơn vị: USD)*

TT	Địa phương	Số dự án	Tổng vốn đầu tư (USD)	Vốn điều lệ (USD)
1	Bà Rịa-Vũng Tàu	8	1.070.195.128	271.416.229
2	TP Hồ Chí Minh	110	852.696.377	766.370.780
3	Hà Nội	71	331.285.029	132.180.327
4	Quảng Nam	8	127.636.447	49.727.433
5	Đồng Nai	19	121.566.291	48.394.122
6	Tây Ninh	2	120.536.153	112.829.680
7	Bình Dương	24	57.714.613	32.153.611
8	Hải Phòng	3	37.403.500	15.188.500
9	Long An	5	29.510.000	13.110.000
10	Bình Thuận	7	25.115.800	8.224.800
11	Bắc Ninh	3	22.252.941	10.202.941
12	Hưng Yên	3	18.400.000	12.500.000
13	Đà Nẵng	5	15.205.712	15.205.712
14	Trà Vinh	2	15.150.000	1.030.000
15	Gia Lai	1	14.000.000	7.000.000
16	Khánh Hòa	6	13.698.657	9.222.550
17	Lâm Đồng	5	10.521.391	3.903.058
18	An Giang	1	8.800.000	2.800.000
19	Ninh Thuận	1	8.500.000	6.000.000
20	Cần Thơ	4	7.337.600	5.437.600
21	Lào Cai	2	7.200.000	4.987.630
22	Hải Dương	2	6.750.000	2.150.000
23	Bình Định	1	6.000.000	2.000.000
24	Bến Tre	1	5.000.000	5.000.000
25	Yên Bái	1	3.200.000	20.000
26	Hòa Bình	1	2.000.000	625.000
27	Phú Yên	1	2.000.000	1.000.000
28	Quảng Ninh	2	700.000	350.000
29	Thừa Thiên-Huế	3	670.000	657.000
30	Đồng Tháp	1	187.500	187.500
31	Phú Thọ	1	60.000	60.000
32	Kiên Giang	1	52.631	52.631
Tổng cộng		305	2.941.345.770	1.539.987.104

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

So với nguồn FDI của EU vào Việt Nam phân theo địa phương tính đến cuối năm 2005 thì có một số chênh lệch nhưng không đáng kể. Cụ thể, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn là địa phương thu hút dự án đầu tư lớn nhất trong cả nước, với 189 dự án, chiếm 38% và tổng số vốn đầu tư là 2.079 triệu USD, chiếm 30% tổng số vốn đầu tư. Đứng thứ hai là Hà Nội với 107 dự án, tổng vốn đầu tư là 1.409 triệu USD; Bà Rịa – Vũng Tàu thu hút 10 dự án, với số vốn đầu tư là 997 triệu USD, chiếm 14% tổng số vốn đầu tư của EU vào Việt Nam. Như vậy, các địa phương này vẫn luôn là điểm hấp dẫn thu hút FDI của nước ngoài tại Việt Nam. Đến nay, nhờ tận dụng được ưu thế sẵn có tại địa phương, cùng với một số ưu đãi mà nhà nước Việt Nam dành cho, các dự án đầu tư của Pháp tại các địa phương này đang thu được những kết quả khả quan.

Tóm lại, cũng như trao đổi hàng hoá, quan hệ đầu tư Việt - Pháp trong giai đoạn 1988 - 2010 đã phát triển với tốc độ rất cao. Dòng vốn đổ vào ngày càng nhiều, đi kèm với nó là dòng công nghệ hiện đại trong các lĩnh vực công nghiệp nặng, bưu chính - viễn thông... Có điều, cho đến nay mối quan hệ này mới chỉ diễn ra một chiều, chỉ có vốn của Pháp chảy vào Việt Nam. Tuy nhiên, xét trong bối cảnh phát triển kinh tế hiện nay của hai nước, Pháp là nước công nghiệp đứng thứ tư trên thế giới, thứ hai thế giới sau Mỹ

về nông nghiệp và là một trong những cường quốc đầu tư ra bên ngoài lớn nhất châu Âu, không ngừng tìm kiếm thị trường để đầu tư, còn Việt Nam đang cố gắng cải cách kinh tế thu hút ngày càng nhiều hơn dòng vốn đầu tư và công nghệ từ bên ngoài, trong đó có Pháp. Quan hệ đầu tư Việt - Pháp cũng có sự gặp gỡ nhau giữa nhu cầu và lợi ích của các bên. Đó chính là nền tảng cho sự phát triển nhanh chóng của mối quan hệ này. So với một số nước đứng đầu về đầu tư trực tiếp ở Việt Nam như Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Singapore, Hoa Kỳ, tỷ lệ vốn đầu tư của Pháp ở Việt Nam được thực hiện khá cao. Theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính tới ngày 30/9/2010, tỷ lệ vốn đầu tư đăng ký thực hiện so với tổng vốn đầu tư đăng ký của Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Singapore, Hoa Kỳ tương ứng là 37%, 40%, 27% và 31%, 20%, trong khi đó tỷ lệ vốn thực hiện của Pháp là 52%. Với kết quả đó, có thể thấy đầu tư từ Pháp vào Việt Nam hoạt động khá hiệu quả. Cũng giống như nhiều nhà đầu tư khác ở châu Âu, đầu tư của Pháp được phân bổ vào nhiều ngành công nghiệp khác nhau, trong đó có sự quan tâm đặc biệt được dành cho các ngành công nghiệp nặng, xây dựng,... nhằm mục đích khai thác tốt nhất những tiềm lực của Việt Nam. Pháp là nước đầu tư khá nhiều vào ngành công nghiệp nặng (46 dự án). Vì

vậy, Pháp vẫn luôn là nhà đầu tư lớn nhất ở Việt Nam trong lĩnh vực này cũng như nguồn vốn FDI nói chung trong tổ chức EU.

Dòng vốn đầu tư của Pháp vào Việt Nam đã và đang có những đóng góp đáng kể đối với sự phát triển kinh tế Việt Nam, vào những thành công trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Những đóng góp đó bổ sung nguồn vốn, góp sức thúc đẩy kinh tế Việt Nam tăng trưởng, giải quyết công ăn việc làm, tăng thêm nguồn thu chi ngân sách, chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm quản lý, thúc đẩy xuất khẩu. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, đầu tư của Pháp vào Việt Nam đang tồn tại nhiều mặt hạn chế:

Thứ nhất, dòng vốn đầu tư của Pháp vào Việt Nam phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở một số tỉnh, thành phố như: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Tây Ninh. Đáng tiếc hơn nữa, các

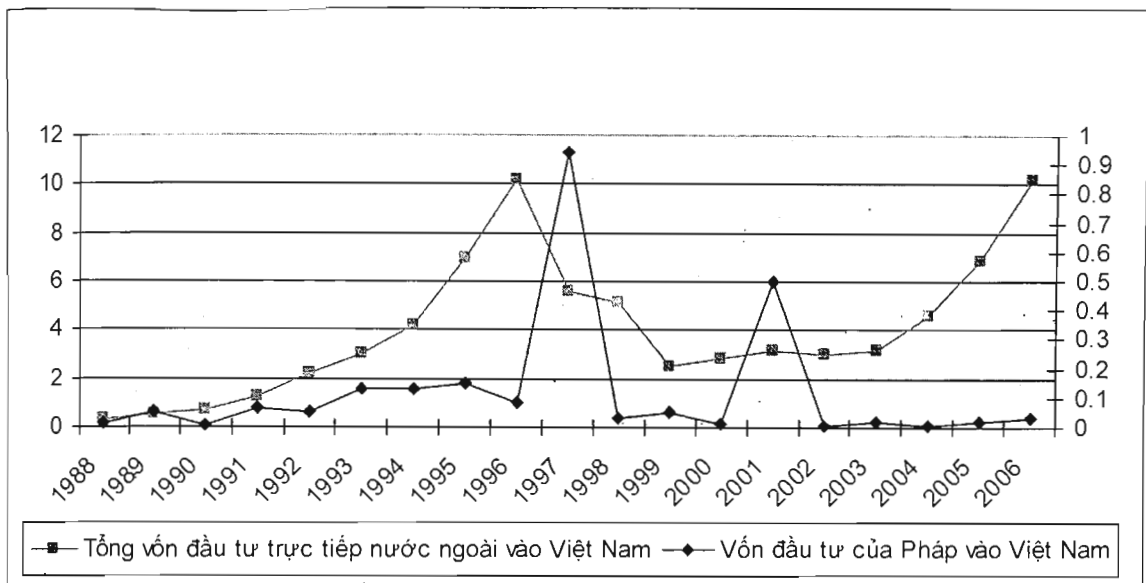
nhà đầu tư nước ngoài khác như EU, Hàn Quốc, Đài Loan cũng trong tình trạng tương tự.

Thứ hai, vốn đầu tư của Pháp vào Việt Nam còn ở mức khiêm tốn so với thực lực kinh tế của Pháp và còn xa mới đáp ứng được sự mong đợi của Việt Nam. Đầu tư của Pháp có rất ít dự án trong lĩnh vực công nghiệp nặng, xây dựng mà Việt Nam có nhu cầu lớn và Pháp có rất nhiều thế mạnh.

Thứ ba, đầu tư của Pháp thường là các dự án có quy mô nhỏ, số dự án nhiều nhưng vốn đầu tư ít, cụ thể: Năm 2002, có đến 28 dự án nhưng vốn đầu tư chỉ có 9 triệu USD; Năm 2010 có 22 nhưng vốn đầu tư chỉ 13 triệu USD. Mặt khác, dòng vốn đầu tư của Pháp vào Việt Nam không ổn định, biến động thất thường và khi vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam có xu hướng giảm thì đầu tư của Pháp lại tăng (*xem Biểu đồ 3*).

Biểu đồ 3: So sánh vốn đầu tư của Pháp với tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam

Đơn vị: tỷ USD



Nguồn: Dựa trên số liệu Bảng 1 và số liệu do Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư cung cấp

Với những thành công trên, cộng với sự ủng hộ nhiệt tình của hai chính phủ, bối cảnh khu vực, quốc tế thuận lợi và sự gặp gỡ giữa nhu cầu và lợi ích trong mối quan hệ song phương này vẫn còn hữu hiệu, có thể khẳng định rằng quan hệ đầu tư Việt - Pháp sẽ tiếp tục được phát triển trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo Nhân dân (2002), *Chủ tịch nước Trần Đức Lương hội đàm với Tổng thống Jacques Chirac*, ngày 30/10, tr. 4.

2. Thông tấn xã Việt Nam (1992), *Vấn đề về đầu tư tại Việt Nam*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 8/7, tr. 2.

3. Võ Minh Hùng (2007), *Quan hệ kinh tế Việt - Pháp trong bối cảnh toàn cầu hoá*

(1991-2006), Luận văn Thạc sỹ, Trường Đại học Đà Lạt, tr. 87.

4. Đinh Mạnh Tuấn (2001), *Các hoạt động trên lĩnh vực FDI và ODA của Pháp tại Việt Nam*, Nghiên cứu Châu Âu, số 1, tr. 42-48.

5. Hoàng Xuân Hoà (2001), *Đặc điểm quan hệ kinh tế Việt Nam - EU và những cơ hội phát triển trong xu thế toàn cầu hoá, tự do hoá thương mại*, Nghiên cứu Châu Âu, số 48, tháng 6, tr. 81-88.

6. The European Union Worldtrade, <http://www.euruion.org/profile/EUUSStats.htm>

7. Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.